

KHỞI TÍN LUẬN SỚ BÚT SẢO KÝ

QUYỂN 3

Từ Theo pháp sinh khởi v.v... trở xuống, có hai:

I. NÊU KHOA MỤC CHỈ BÀY CHUNG:

Ý nói nhiếp, do pháp tịnh là nghĩa nhiếp ngọn về gốc, nay nói từ gốc khởi ngọn, nên chỉ lấy nhiếp.

Lược có năm lớp, nói rộng thì có mười bốn, nay trong mười bốn thứ gom lại thành năm, nên nói là lược.

Đối các tông, tức năm giáo trước. Trước lấy năng thuyên làm môn, nên nói theo giáo. Ở Đây lấy sở thuyên làm môn, nên nói theo pháp.

- *Giải thích riêng theo Văn.* Có hai:

Nói về năm đoạn:

Đoạn hai và ba trong năm đoạn là lược chia chân vọng, nên nói khai, nói minh v.v... Hai đoạn sau là theo vọng mà nói đầy đủ, hiển bày thứ lớp sinh khởi, nên nói là sinh.

Nhất tâm làm nguồn gốc, chính là đây. Vì nhất tâm này là căn bản của tất cả pháp nhiếp tịnh, như nguồn nước là cội gốc của muôn dòng, lại không có pháp làm gốc của tâm, nên nói chỉ có gốc nhất tâm. Gốc tức là nguồn. Kinh nói: “Các pháp có sinh chỉ do tâm hiện, tất cả nhân quả, thế giới, cát bụi, nhân tâm thành thể”. Cả hai Pháp, dụ cùng hiển nên nói là cội nguồn.

Kinh Hoa Nghiêm v.v... trở xuống, là phối hợp giáo, đây là tông Viên giáo.

Bốn pháp giới, như trước đã nêu. Tuy, bốn thứ đều gọi là pháp giới mà nghĩa giới khác nhau. Bởi lý pháp gọi là giới, giới là nghĩa tánh. Nghĩa là làm thể tánh cho cùng tất cả các pháp nhiếp tịnh. Sự pháp gọi là Giới, giới là nghĩa giới hạn. Nghĩa là mỗi sự pháp có giới hạn riêng biệt. Hai pháp giới sau đây đủ nghĩa tánh phần rất dễ biết, vì nghĩa tuy có bốn mà thể là một, dứt bốn thành một, ngoài một không có bốn, nên nói gồm chỉ nhất chân.

Nghĩa là vắng vẻ v.v... trở xuống, tất cả muôn pháp đều do thể

mà ra. Kia nói pháp giới, ở đây nói nhất tâm. Nghĩa là nhất tâm này là tánh của Pháp, nên nói là pháp giới. Theo nghĩa đặt tên thể vốn chẳng khác, nên lấy nhất tâm làm thể pháp giới. Hai câu đầu là trình bày đức tướng.

Tịch là không có tiếng, liêu là không có sắc, Hư là trong đó không vọng nhiễm, Khoáng là rộng khắp mười phương, Xung là sâu, Thụ là gồm cả ba mé, Bao là dung thọ tất cả không ngoài, Bác là vào tất cả đều khắp.

Bao gồm, v.v... trở xuống, là nói rõ gồm thấu muôn vật, là tất cả pháp, Vạn hữu không ngoài nhất tâm, cho nên tất cả toàn là tâm tánh, tâm tánh không ngoài, thấy đều nhiếp khắp. Đây chỉ cho ý do thể mà ra, không ở chỗ thấu nhiếp muôn vật, e còn thấy ngoài tâm, nên nói bao gồm. Nhưng trong các giáo đều nói muôn pháp nhất tâm, mà cạn sâu có khác, nay theo năm giáo mà nói lược.

- Ngu pháp Thanh Văn giáo: Giả nói nhất tâm, là pháp nhiếp tịnh thế gian và xuất thế gian, đều do tâm tạo nghiệp chiêu cảm. Gạn xét nghĩa nhất tâm chẳng thành, nên nói giả nói.

- Đại thừa quyền giáo: Nói A-lại-da dị thực lấy làm nhất tâm, muôn pháp trong ba cõi chỉ do thức biến.

- Chung giáo: Nói Như Lai tàng lấy làm nhất tâm, vì các pháp thức cảnh đều như mộng.

- Đốn giáo: Dứt bất nhiễm tịnh để nói nhất tâm, vì hiển bày thể lìa ngôn bất các tướng, để phá các số nên giả gọi là Nhất.

- Viên giáo: Bao gồm muôn hữu lấy làm nhất tâm, vì sự lý gốc ngọn không riêng.

Như trên đã nói, hai giáo trước cạn, ba giáo sau sâu. Trong ba giáo nghĩa có cạn sâu mà thể chỉ là chân tánh. Nay nói tức là phần thứ năm.

Chú thích môn này: luận này giải thích lý tột cùng là đó. Ở trên chỉ bày tức Nhất chân pháp giới của kinh Hoa Nghiêm, bởi kia do tánh tướng cùng dung nhau, nên gọi là Pháp giới. Ở đây theo khắc chỉ pháp thể, nên nói là nhất tâm. Ý chỉ của Viên, thật do đây mà khác.

Thể bất có không: Triệu Công nói: “Muốn nói kia có, thì không hình dạng, không danh tự. Muốn nói kia không, thì thánh có linh tri”. Nên văn sau nói: “Chẳng phải có chẳng phải không v.v...”.

Tướng chẳng sinh diệt, phi là chẳng phải, tướng la hữu tướng, vô tướng, tướng tức là Tánh. Luận chép: “Chẳng phải mé trước sinh, chẳng mé sau diệt”. Kinh Bát-nhã cũng nói: “Chẳng sinh chẳng diệt”.

Chẳng phải cùng tột là cái ban đầu, chẳng phải không cùng tột là cái ban đầu. Đã chẳng phải là pháp hữu vi sinh diệt, thì không thể tìm cho tận cùng mé ban đầu. Nhưng không chỉ là vô thủ mà còn là vô chung. Nay chỉ lược nêu nên nói Không có mé ban đầu. Đây là ngầm giải thích tướng chẳng sinh diệt trước. Do chẳng sinh nên vô thủ, chẳng diệt nên vô chung.

Đâu thấy trung biên: Biên là hai bên, trung là Trung đạo. Hai bên đã mất, Trung đạo không còn, nên nói là đâu thấy. Ở đây ngầm giải thích về thể bất có không ở trước. Có không là hai bên. Ở trước lược nêu nên chỉ nói có không, nay trình bày đầy đủ nên nói Trung đạo.

Chú thích môn Chân như, chỗ nói của sơ kia tức là nghĩa môn chân như ở đây, nhưng chỉ dùng nhân để phối hợp, chưa phải là chánh khai, đến phần sau sẽ nói.

Mê đó v.v... trở xuống, tức trong phần tựa, nghĩa là đuổi theo mê ngộ mà nổi chìm. Giải tức sơ ngộ, ngộ tức chứng nhập. Kinh nói: “Các cõi từ vô thủ đến nay cùng tất cả pháp nương theo đây mà có các đường và chứng được Niết-bàn”, tức là nghĩa này. Văn chú thích rất dễ hiểu.

Y tâm khai môn, Luận nói nương pháp nhất tâm có hai môn.

Môn chân như; trong đây có lia ngôn ngữ và nương ngôn ngữ. Trong nương ngôn ngữ lại có hai thứ không và chẳng phải không, đầy đủ như phần sau nói.

Phần Đốn giáo; trong môn này nói tâm tánh chẳng sinh chẳng diệt, cho đến nghĩa lia lời bất nghĩ, v.v... chính là giáo này. Mật thuyết, như Tâm Kinh nói: “Tướng không của các pháp chẳng sinh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch, chẳng thêm chẳng bớt...”, v.v... là tướng chân như. Tuy nói tướng kia mà không hiển bày thể tánh chân như, nên nói mật thuyết. Lý thật chẳng khác nên nay phối hợp.

Nương Như Lai tàng trở xuống, là toàn dẫn văn luận để nói về tướng sinh diệt, v.v...

Chung giáo, nói pháp tột cùng chẳng đồng Thủ giáo. Do trình bày môn đầu nên gọi là Chung giáo. Nay Luận Khởi Tín chính là nói nghĩa này.

Bởi Thủ giáo v.v... trở xuống, là phân biệt trình bày. Trong thủ giác cũng nói A-lại-da mà không nói chỗ thành của tạng tánh, nay nói chỗ thành của tánh chẳng phải phần kia. Kinh Mật Nghiêm nói: “Phật nói Như Lai tàng lấy làm ác tuệ A-lại-da, không thể biết Tạng tức là thức A-lại-da”. Môn sau là môn Sinh diệt, có hai nghĩa. Luận nói: “Thức này có hai thứ nghĩa thu nhiếp tất cả pháp, sinh ra tất cả pháp. Thế nào là

hai?. Một là nghĩa Giác, hai là nghĩa Bất giác”. Y theo đây mà nói.

Nghĩa giác, luận nói: “Cái gọi là giác là tâm thể lia niệm, lia tướng niệm, đồng với cõi hư không, tức là Pháp thân Như Lai. Trong đó có Thủ giác, Bản giác. Bản giác lại có tùy nhiễm và tánh tịnh khác nhau”. Đây đủ như trong luận nói.

Chú thích môn chân như ở trước, nạn hỏi gồm cả trước sau, hoặc nói môn chân như trước cùng nghĩa giác này, vì sao chẳng nói khai nghĩa sinh pháp, mà chỉ đối với môn sau và nghĩa sau mà nói sinh khởi? Cho nên ở đây giải thích. Bất biến là chẳng tùy duyên, tướng tịnh là Bản giác, ngược dòng tức Thủ giác. Ba nghĩa trên đây đều không thể nói lý sinh khởi pháp nhiễm, vì nghĩa chẳng thuận nên chỉ lấy nghĩa sinh diệt và nghĩa bất giác, tức có thể nói thứ lớp sinh nhiễm kia. Nên ở trước nói: “Nương pháp nhiễm từ gốc khởi ngọn, mà không nói pháp tịnh từ ngọn hưởng về gốc”. Vì ở môn trước, nghĩa trước chẳng nói sinh khởi.

Nghĩa bất giác, luận nói: “cái gọi là bất giác nghĩa là không như thật biết pháp chân như là một, do bất giác tâm khởi mà có các niệm”. Trong ấy có cội gốc khác ngọn ngành. Ngọn ngành lại có ba tế, sáu thô v.v... như thứ lớp dẫn chứng, xem văn chú thích rất dễ hiểu.

Nghĩa sau, tức là bất giác. Nương bất giác này khởi tướng nghiệp, v.v... ba tế thuộc địa vị bốn thức đối lại sự thức ở sau, đối với Thô nên gọi là Tế. Luận nói: “Lại nữa, nương bất giác nên sinh ba tướng, tương ứng chẳng lia với bất giác, v.v ...”.

Nghiệp tướng, theo động tác làm nhân được gọi là hai nghĩa, luận nói: “Một là Vô minh nghiệp tướng. Do nương tâm động bất giác nên nói là Nghiệp. Giác thì bất động, động thì có quả khổ vì chẳng lia nhân”.

Chuyển tướng, là nghiệp tướng trước chuyển đến vị này để làm năng kiến. luận nói: “Hai là tướng Năng kiến, Do nương vào động, năng kiến chẳng động thì chẳng thấy”.

Hiện tướng; do nương tâm năng duyên mà đấm khởi cảnh sở duyên, luận nói: “ba là Cảnh giới tướng. Do nương vào năng kiến mà cảnh giới vọng hiện, lia cái thấy thì không có cảnh giới.

Chú thích tự thể v.v..., là lấy Duy Thức nói có lậu thức, tự thể kia sinh chuyển dưỡng như hai phần. Tướng tự tướng năng duyên gọi là Kiến phần. Tướng tự tướng sở duyên gọi là Tướng phần. Tuy vẫn khác mà nghĩa đồng. Nay chú thích phối hợp tự thể, tức tự chứng phần. Tức Duy Thức, v.v... trở xuống, là phối hợp giáo.

Đồng nghiệp tướng: kia nói các pháp sinh khởi chỉ nương A-lại-da làm cội gốc, nên gọi thức này là chủ tổng báo. Tất cả hạt giống căn thân

khí giới đều do thức này biến. Nhưng ở đây nói riêng lấy làm sở huân, huân thành hạt giống sau mới khởi hiện hành đều nương vào thức này, nên nói cội gốc sinh khởi.

Do kia v.v... trở xuống, là lý do phát xuất. Vì tông kia chưa nói nhất tâm là nguồn của môn Chân như và môn Sinh diệt, vì lưu ở Chung giáo mà nói. Nếu nói tột cùng rồi thì đâu phân quyền thật ư? Nên nói những kẻ do chẳng biết chân như tức tâm, bèn nói: “Không hay không biết, bất động bất biến”. Nói thể không hay biết này cứng như đá ngọc không thể thọ huân, vì chẳng thể huân tánh. Đã không thọ huân thì đâu thể tùy duyên! Do đó chỉ chấp chân như bất biến mà chẳng chấp tùy duyên.

Chỉ nói v.v..., đã không chấp chân như tùy duyên thành các nhiễm tịnh, nên nói A-lại-da làm gốc sinh diệt, do đó nói pháp sinh khởi là đồng nghiệp tướng.

Dù chuyển v.v..., do kia nói chuyển thức thứ tám thành trí Đại viên cảnh, thức thứ bảy thành Bình đẳng tánh trí, thức thứ sáu thành Diệu quan trí sát, năm thức trước làm thành trí Thành sở tác. Căn bản đã là sinh diệt thì thành trí cũng là hữu vi. Lý là vô vi thì chẳng được tương tức. Như vàng nấu chảy ở khuôn đều thành vật dụng, đâu được tức nhau, cho nên v.v... từ Nói pháp v.v... trở xuống, là tổng kết thành, rất dễ hiểu.

Tối hậu, tức là Hiện tướng. Sáu thô là vị sự thức, đấm trước tướng ngoại trần kia hiển bày dính mắc, nên gọi chung là Thô. Luận chép: “Do có duyên cảnh giới lại sinh sáu thứ trí tướng”. Phân biệt cảnh giới là trí tướng. Vì có ngoại cảnh dẫn khởi nội tâm khiến kia phân biệt là tốt là xấu. Luận chép: “Một là Trí tướng, nương vào cảnh giới mà tâm khởi phân biệt”.

Ái và chẳng ái lẽ ra sinh khổ vui, là do phân biệt ở trước bèn khởi giác tâm khổ vui. Luận nói: “Hai là tướng Tương tục, nương vào trí mà sinh giác tâm khổ vui, khởi niệm tương tục không dứt.

Mê đấm khổ vui, chấp khổ vui trước cho là thật. Luận nói: “Ba là tướng Chấp thủ, nương vào cảnh giới duyên niệm nối tiếp, nắm giữ khổ vui tâm khởi mê đấm.

Chấp danh tự: chấp lấy cho là thật, nghe tên tướng chung liền sinh giận vui. Luận chép: “Bốn là: tướng Kế danh tự, nương vào vọng chấp phân biệt giả danh nói là Tướng”.

Tạo nghiệp, là tham sân thạnh hành phát động nơi thân miệng, gây ra các nghiệp thiện ác khác nhau. Luận chép: “Năm là tướng Khởi

nghiệp, nương vào danh tự tìm danh chấp trước, gây ra các thứ nghiệp”.

Thọ báo, nghiệp lụy đã thành dẫn đến quả khổ, như bị dây trời không được tự tại. Luận chép: Sáu là tướng Nghiệp hệ khổ, do nương nghiệp chịu quả không tự tại.

Nhị thừa v.v... trở xuống, là đối với giáo có cạn sâu.

Thứ ba, là ngã chấp câu sinh trong giáo của Nhị thừa dứt ngã này gọi là ngã không.

Nên trời người, v.v..., vì trong giáo kia chỉ nói nghiệp duyên thiện ác, thọ báo, tốt xấu v.v... nên tạo nghiệp mà không biết nghiệp từ đâu sinh. Giới hạn nói pháp chẳng đến được thứ tư.

Chỉ bày riêng: Nếu chấp v.v... trở xuống, là chỉ bày riêng.

Huyết mạch truyền trao, chỉ theo mê gốc nhất tâm, quanh co sinh khởi không dứt bật nghĩa, lại không ở một bên nói bản giác chân như, nên nói một bề v.v...

Lược có tám thứ, nói rộng thì có mười bốn. Bởi do môn Chân như và nghĩa giác chẳng phải thứ lớp sinh khởi, môn Sinh diệt và nghĩa bất giác toàn thể là nghiệp tướng. Trí tướng, tướng Tướng tục đều là pháp chấp. Chấp thủ, kế danh tự tướng v.v... đều là ngã chấp, vì theo nhau nên lược thành tám.

- Sở bị của luận: Văn có ba:

Nói chung về căn có được thu nhiếp:

Từ Tất cả v.v... trở xuống, ở đây theo rớt ráo cùng chánh hợp Luận nên đều là bị. Kinh Niết-bàn chép: “Hễ có tâm thì chắc chắn sẽ thành Phật”. Kinh Viên Giác chép: “Có tánh không tánh, đồng thành Phật đạo”. Lại nói: “Thí như biển lớn không từ chối dòng nhỏ, cho đến muỗi mòng và A-tu-la uống nước kia đều được no đủ”. Kinh Kim Cương nói: “Người phát tâm Bồ đề khiến độ bốn sinh chín loại đều vào Niết-bàn vô dư”. Nếu kia chắc chắn không thành Phật thì đâu nhọc phát tâm này! Vì tất cả chúng sinh đều sẵn có Phật tánh, chỉ được nghe đều được lợi ích. Nghĩa là người có túc duyên sâu được ngộ nhập, người túc duyên cạn được tin hiểu, không hề gieo trồng túc duyên cũng đều huân thành hạt giống viên đốn. Như ví dụ ăn kim cương trong Kinh Hoa Nghiêm.

Bất đồng v.v... trở xuống, là phân biệt quyền giáo. Kia nói Nhị thừa Định tánh là tánh cố định không thể sửa đổi, hướng chỉ ở địa vị vô dư, thân trí đều dứt, thì ai là người tu hành vô tánh? Nếu không có hạt giống lành kia, thì hạt giống lành đã không nương đâu được tu tiến? Cho nên ở đây phân chia đều chẳng phải sở bị. Nhưng kia chỉ đứng về mặt tức, nay theo thời gian lâu dài mà luận không thể thấu nhiếp hết, cũng

là lưu lại trong Thật giáo mà nói.

- Nói theo ba nhóm:

Nhưng, tất cả v.v... trở xuống, là nói theo ba nhóm, có ba thuyết:

Theo Tiểu thừa: Cho chúng sinh năm nghiệp vô gián là tà định, cho người Học, Vô học là chánh định, cho người hữu lậu, vô lậu là bất định.

Theo Quyền giáo: Cho người vô chủng tánh là tà, cho Bồ-tát là chánh, cho người bất định tánh là bất định.

Theo Chung giáo: Cho tất cả dị sinh là tà, Tam hiền là chánh, Thập Tín là bất định.

Ở đây y theo thuyết sau.

Luận này v.v... trở xuống: rất dễ hiểu.

Cùng là tà định, chỉ được thấy nghe tự nhiên thành hạt giống, khi khác hiển phát sẽ đến giải thoát, như dụ buộc hạt ngọc trong chéo áo trong kinh Pháp Hoa, kinh Niết-bàn thì dụ trống độc, kinh Hoa Nghiêm thì có tám nạn, v.v... đều là lời siêu vượt. Lại nói: “Nếu có người chẳng sinh tín ưa, cũng thành gốc lành không luống uổng, cho đến rốt ráo nhập Niết-bàn”, ở đây nói tuy hủy báng đọa vào đường ác, mà do nghe qua lỗ tai cũng được tỉnh ngộ. Nên ở sau luận nói: “Vì khiến chúng sinh lìa tất cả khổ được vui rốt ráo” đều là ý này.

Đều là chánh định, luận chép: “Vì muốn giải thích nghĩa căn bản của Như Lai khiến các chúng sinh hiểu đúng không lầm”. Trong số xếp Tam hiền vào chánh định.

Theo đây v.v... trở xuống, là nói theo Ngũ tánh, nhưng nói năm tánh quyền thật v.v... đều cùng trong giáo nghĩa trước mà ra.

Phân vì chưa rõ, theo kia định chấp có ba mà không có hai, nên nói là quyền. Nay nói bị giáo nên phải theo tánh, tánh tuy nói năm đều là sở bị, chẳng đồng với quyền tông định chấp có không.

Chánh bị v.v... trở xuống, xem văn có thể biết.

Gồm các tánh v.v... là người Nhị thừa và vô chủng tánh. Do người Nhị thừa thật không có định tánh, tuy quên phần đoạn nhưng có thân biến dịch, chỉ được nghe giáo ấy chắc chắn sẽ hồi tâm. Niết-bàn nói bốn quả và Duyên giác cực trì, trải qua tám ngàn bốn trăm sáu mươi hai vạn mười ngàn kiếp, như thứ lớp hồi tâm. Giống như người say lúc tỉnh có mau chậm, Tam-muội tỉnh rượu cũng giống như thế. Kinh Lăng-già nói: “Tam-muội say rượu cho đến kiếp bất giác, rượu tan rồi mới giác được thân Phật vô thượng”. Người không có tánh chỉ là không có tánh thiện, nếu nghe được giáo ấy thì hạt giống thiện tự thành, gặp duyên

phát khởi sẽ được thành Phật. Kinh Lăng-già nói có hai thứ xiển-đề: 1- Bồ-tát đại bi. 2- Dứt gốc lành. Phật nói trong hạng thứ hai, mãi không được nhập, chỉ có Bồ-tát đại bi. Nên biết người dứt gốc lành nghe kinh được ngộ, sau sẽ được nhập. Trong Kinh Niết-bàn nói đầy đủ như thế. Luận này nói: “Chỉ dạy tu tập chỉ quán để đối trị tâm lỗi của phàm phu, Nhị thừa”. Trong đây nghĩa bao gồm Định tánh và Vô tánh. Văn sau nói: “Đối trị lỗi tâm hạn hẹp của người Nhị thừa không khởi đại bi, xa lìa phàm phu không tu gốc lành”. Lại, không khởi đại bi há chẳng phải định tánh ư? Không tu gốc lành há chẳng phải vô tánh ư? Nên biết Thật giáo tuy nói năm tánh, nhưng chẳng phải nhất định năm đều là sở bị.

- Chỉ bày riêng văn sau:

Lại nhân v.v... trở xuống, là chỉ bày riêng văn sau.

Nói riêng về sở bị, sở bị của một bộ luận không ngoài ba căn, nói có chung, riêng. Chung thì không phân ra luận văn, chỉ có người căn cơ thượng trung hạ, nương đây mà nhập chung. Riêng thì phân lập nghĩa và Giải thích là thuộc thượng căn, phần Ngộ nhập tu hành tín tâm là thuộc trung căn, phần Khuyến tu lợi ích là thuộc hạ căn. Nhưng, bậc thượng căn không cần nghe pháp của trung, hạ căn, bậc hạ căn cần nghe pháp của thượng, trung căn, còn bậc trung căn y theo đó sẽ biết. Ở đây nói vẫn là riêng trong chung, nếu lại luận chính xác gồm theo địa vị mà phối hợp thì, trong phần Lập nghĩa và phần giải thích là hiển bày chánh nghĩa đối trị tà chấp. Thuộc Bồ-tát Tam hiền là thượng căn, ngộ nhập phân biệt phát thú đạo tướng, thuộc Thập tín mãn tâm là trung căn, tức phần tu hành tín tâm trở xuống của văn sau. Thuộc Thập Tín Trụ tâm nhập tâm là hạ căn.

Lại, theo Thập tín vị tự có khác ba căn, nghĩa là lấy Thập tín mãn tâm làm thượng căn, ở đây thì như trên đã phối hợp. Lấy Thập tín trụ tâm làm trung căn, ở đây nương theo trong phần thứ tư, bốn thứ tín tâm và bốn thứ tu hành ngộ nhập. Lấy Thập tín sơ tâm làm hạ căn, theo hạ căn này lại có ba thứ, nghĩa là lấy bốn hạnh sau và chỉ quán ở trước. Đoạn luận này là thuộc hạ căn, ngộ nhập lấy một môn chỉ quán là thuộc trung căn, lấy một môn khuyến sinh tịnh độ là thuộc thượng căn. Một phần khuyến tu lợi ích gồm chung ba phần trước. Một phần nhân duyên nói về lý do luận khởi. Cho nên trong phần này chẳng riêng nói, thuộc như số ở sau phối hợp.

- Sở y của luận:

Nêu chung:

Giáo thể Năng thuyết, nói chung giáo pháp của chư Phật cho đến

luận này, lấy gì làm thể mà năng thuyên hiển bày vô lượng sự lý? Nay lấy bốn môn để lược giải thích.

Giải thích riêng. Có bốn:

- Tỳ tướng:

Nghĩa là theo sáu trần, cảnh tướng phát xuất từ thể.

Danh, cú, văn, là trên tiếng uẩn khúc tiêu biểu nói là giả chẳng thật, thuộc về Bất tương ưng hành. Luận nói: “Một tên, hai tên, nhiều tên gọi là Danh thân. Một câu, hai câu, nhiều câu gọi là Cú thân. Một chữ, hai chữ, nhiều chữ gọi là Văn thân”.

Các pháp tự tánh Năng thuyên, là Danh thân. Danh thân là năng thuyên, các pháp tự tánh là sở thuyên. Như nói sắc, nói tâm, nói nước, lửa v.v... mỗi thứ nói tiêu biểu cho pháp tự tánh.

Khác nhau là Cú thân. Cú thân là năng thuyên, các pháp khác nhau là sở thuyên. Như nói hình sắc, hiển sắc, chân tâm, vọng tâm, v.v... các pháp rõ ràng. Trong mỗi pháp đều có phân biệt.

Nhị sở y: là Văn. Hai tức Danh, Cú. Văn tức là chữ. Do đây chung làm Danh Cú, là chỗ nương của hai pháp, cho nên Danh thì thứ lớp nêu bày, Cú thì thứ lớp an bố, Văn thì thứ lớp liên hợp. Những thân này là năng thuyên tiêu biểu cho nghĩa lý, do đó chấp làm giáo thể.

- Chỉ do âm thanh:

Hoặc chỉ v.v... trở xuống, là chỉ cho âm thanh. Thanh là lời nói của giáo chủ, âm là âm từ giảng nói của Phật. Tiêu biểu bình luận ngữ, âm ngữ, lộ ngữ, nghiệp ngữ v.v... nên nói là âm thanh.

Lìa tiếng trở xuống, dùng Danh, Cú, Văn cả ba để giải thích. Tuy tự năng thuyên tiêu biểu cho nghĩa lý, vẫn chỉ là tướng uẩn khúc trên tiếng từ giả mà kiến lập không có tự thể. Thanh là sắc pháp, sắc pháp là thật. Danh v.v... là Bất tương ưng hành. Phi sắc phi tâm là theo phần vị sắc tâm giả lập, cho nên là thật, ngoài ra là không giả. Sở dĩ nhiếp giả từ thật, chỉ là lấy âm thanh làm giáo thể, nên nói lìa tiếng không có Danh riêng ... Luận Bà-sa chép: “Phật giáo lấy ngữ nghiệp làm thể.

- Chung bốn pháp:

Giả thật v.v... trở xuống, là chung bốn pháp. Như hai thuyết trên đều có lý giáo làm định lượng, không thể nghiêng lấy một bên, nên nay thấu nhiếp tất cả. Do chỉ âm thanh thì chẳng phải nghĩa năng thuyên, chỉ danh cú văn thì không tự thể riêng. Bốn pháp đều lấy ban đầu thành giáo thể, như nước cùng hành động mới bơi thuyền được. Trong hai thuyết này không thể vượt một, như người lên đênh trên biển phát ra tiếng mà không thành câu, thì làm sao tiêu biểu cho sở thuyên. Nếu

không có tiếng thì danh v.v... nương vào đâu, nên nay lấy cả hai. Luận Câu-xá nói: “Đức Mâu-ni nói pháp uẩn số có tám mươi ngàn. Thể kia (giáo thể), ngữ (âm thanh); hoặc danh (danh, cú), sắc (âm thanh), hành (danh, cú) đều thuộc về uẩn”.

- Khắp tất cả:

Lại trùm khắp v.v... trở xuống, là trùm khắp tất cả, tất cả tuy nhiều mà không ngoài cảnh giới sáu trần, chỉ hay sinh hiểu đối với vật tức là giáo thể, đâu riêng đối với thanh, danh, cú, văn? Kinh Tịnh Danh chép: “Do có ánh sáng mà làm Phật sự. Do có Bồ-đề thọ, y phục, đồ nằm v.v... cho đến tám mươi bốn ngàn các thứ trần lao. Chúng sinh cho là nhọc mệt, chửi Phật dùng pháp này mà làm Phật sự”. Kinh Lăng-già chép: “Này Đại Tuệ! Chẳng phải tất cả cõi Phật đều dùng ngôn ngữ nói pháp, có cõi nước Phật nhìn thẳng không chớp mắt, miệng không nói năng, cho đến có cõi nước Phật động thân gọi là nói pháp v.v...”. Vả lại, thể giới Hương Tích dùng cơm có mùi thơm mà ba vị hiền bà, cõi nước Cực Lạc nghe tiếng gió thổi cành cây mà thành chánh niệm. Tơ trúc có thể do chuyên tâm chạm mắt mà giữ đạo. Đã là nói, nín, nhìn, chớp mắt, v.v... đều nói, thì thấy nghe hiểu biết đều là nghe. Nếu được pháp khế thần thì đâu cần do nơi ngôn thuyết. Như trong kinh Lăng Nghiêm, hai mươi lăm vị thánh đối với mười tám giới, tánh bầy đại, v.v ..., mỗi vị từ một môn mà được viên thông. Trong đây nói sáu trần cũng chỉ là theo cảnh, ngoài ra nêu rất dễ biết. Thiên Thai nói: “Tay không cầm quyển kinh mà thường tụng kinh, miệng không nói năng mà đọc tụng khắp hết các kinh điển, Phật chẳng nói pháp mà thường nghe phạm âm, tâm không suy nghĩ mà chiếu khắp pháp giới”. Đây đều là nghĩa này.

Môn Duy thức”, là theo vọng tâm để nêu ra thể, nay trước là theo cội gốc hình bóng đối nhau, đối với các giáo chung thành bốn câu:

- Chỉ cội gốc không hình bóng, tức Tiểu thừa giáo. Do không biết các pháp do thức hiện đều là hình bóng.

- Chỉ hình bóng không cội gốc, tức là Chung giáo. Do quả Phật không khác sắc thanh công đức, chỉ có như như và trí như như là còn. Chỉ lấy đại bi, đại trí làm duyên tăng thượng, khiến chúng sinh căn cơ thuần thực kia, trong tâm hiện sắc thính của Phật nói pháp, cho nên Phật dạy chỉ là ảnh tượng trong tâm chúng sinh. Kinh Hoa Nghiêm nói: “chư Phật không có pháp, Phật ở chỗ nào nói?”. Chỉ tùy theo tự tâm kia mà vì nói pháp như thế.

- Vừa là cội gốc vừa là hình bóng, tức Đại thừa quyền giáo. Cho là do Phật tự giảng nói, hoặc văn hoặc nghĩa, đều là trí Diệu quan

sát, chỗ hiển bày tương ứng tịnh thức, gọi là bốn chất giáo. Hoặc người nghe ở trên thức sở biến văn nghĩa làm ảnh tượng giáo, chư Phật và chúng sin làm duyên tăng thượng, lẫn nhau mới có chỗ khởi giáo. Duy Thức nói: “Năng lực tăng thượng xoay vần hai thức thành quyết định”.

- Chẳng phải cội gốc chẳng phải hình bóng, tức là Đốn giáo. Chẳng những chỉ ngoài tâm, không có sắc thính Phật, mà trong tâm chúng sinh hình bóng cũng không, vì tánh gốc lia tướng gốc dứt, tức giáo của Vô giáo. Kinh Tịnh Danh chép: “Người nói pháp kia không nói không chỉ dạy, người nghe pháp kia không nghe không được”. Nay ở đây giải thích, tức câu thứ hai chỉ hình bóng chẳng phải cội gốc.

Nói tịnh thức v.v..., trong đây thế nói dường như ở nơi cội gốc, hình bóng, đầy đủ một câu. Nhưng, ý nói rõ chỉ hình bóng chẳng phải cội gốc. Tuy nói tịnh thức hiện ra, mà ý hiển đại bi đại trí là duyên tăng thượng. Ở đây chỉ nói Phật vì chúng sinh làm duyên tăng thượng, mà chẳng nói Phật làm duyên tăng thượng, là mục đích chỉ hình bóng.

Lại, tịnh thức Phật tức là chân tâm chúng sinh, Phật hiện tức chúng sinh hiện, cả hai đều là hình bóng. Dẫn chứng văn sẽ rõ, đâu thể thấy chỗ hiện tịnh thức làm duyên tăng thượng, liền khởi chấp cả hai cội gốc và hình bóng, đồng với quyền giáo. Phải lấy ý để nói chẳng nên do nơi văn cục, người học nên suy nghĩ! Văn sau nói đủ: “Tất cả các pháp chỉ nương vọng niệm mà có khác nhau, nếu lia tâm niệm thì không có tất cả tướng cảnh giới”. Cho nên phần sau tổng kết ý. Nói tự tâm, tức là vọng thức chẳng phải chân tâm. Văn sau nói: “Ba cõi luống dối, chỉ do tâm tạo, lia tâm tức không có cảnh giới sáu trần”.

Môn Quy tánh,” là theo chân tâm để xuất thế.

Thức này v.v..., là trong môn trước đã thấu nhiếp ở cảnh khác nhau, duy thức tâm năng biến, nay lại nhiếp thức tâm trước chỉ là nhất tâm. Nhất tâm tức tánh chân như, gọi là quy tánh, nên nói thức này không có tự thể.

Kia giống như người ngủ mê nằm mộng thấy các thứ vật, vật không lia mộng, mộng chẳng lia người, tức tới lui suy tìm thể chân thật của giáo pháp tốt cùng ở đây. Người xưa nói: “Tâm tức là Kinh” chính là nghĩa này.

Nói tất cả, tức các pháp sắc, tâm v.v... chẳng phải nay mới như vậy, nên nói: Từ xưa đến nay siêu vượt, lia tướng danh tự, lia tướng tâm duyên, nên nói cho đến, nhưng lia ngôn thuyết thì chẳng có âm thanh trước, lia danh tự thì chẳng có Danh, Cú, Văn trước, lia tâm duyên thì chẳng có duy thức trước, nhất tâm chân như thành môn Quy Tánh này,

cũng đồng Viên Giác sơ chép: “Sinh pháp vốn không tất cả duy thức, thức như huyền mộng chỉ là nhất tâm”. Kinh Lăng nghiêm nói: “Kiến và kiến duyên tự cảnh hiện tiền, vốn là giác minh của ông”.

Môn Vô ngại, theo ba môn vô ngại để nêu ra thể. Ở sau là chính giải thích, Tâm là môn Duy thức, Cảnh là môn Tùy tướng, Lý là môn Quy tánh, Sự tức môn thứ nhất và thứ hai. Do đối lý thành câu nên lặp lại.

Đồng một duyên khởi, ba môn trên đồng là nhất đại pháp giới duyên khởi. Nghĩa là cảnh không tự là cảnh, mà do tâm nên có cảnh, tâm chẳng tự là tâm mà do cảnh nên có tâm, vọng chưa nương chân tức chẳng từ chân sinh, chân chưa theo vọng nên chẳng nương vọng mà hiển. Như thế thì cảnh là cảnh của tâm, tâm là tâm của cảnh; chân tức chân của vọng, vọng tức vọng của chân; Nương gá lẫn nhau, vay mượn lẫn nhau, hễ có thiếu khuyết gì thì chẳng bao giờ thành, nên nói đồng một duyên khởi.

Dung nạp lẫn nhau v.v..., tức pháp giới không chướng ngại, nghĩa là hoặc tâm hoặc cảnh, hoặc lý hoặc sự, một nhiều tức nhập, thấy đều vô ngại. Đây ắt động dừng ngang dọc đều là giáo thể.

Lấy một “v.v... trở xuống là nguyên do khởi xuất, như tâm cảnh, lý sự ở trên, đều được vô chướng ngại. Do tất cả pháp chẳng lìa hai môn, vì hai môn chỉ là nhất tâm, bởi quy tánh tức môn Chân như, hai thứ trước là môn Sinh diệt, hai môn chẳng hai tức là nhất tâm, vì do nhất tâm này dung chứa cả, được đồng nhất duyên khởi vô ngại tự tại.

- Tông quy của luận. Có hai:

Nêu chương, giải thích tên:

Trước đã nói văn thể năng thuyên, ở đây nói nghĩa thu sở thuyên. Trong nghĩa đáng tôn, đáng trọng, đáng tôn thờ nên gọi là Tông; quy hướng tới lui nên gọi là Thú.

Các bộ v.v..., như tông Pháp Hoa nói Nhất thừa, tông Niết-bàn nói Phật tánh, tông Hoa Nghiêm có pháp giới, tông Duy ma nói bất tư nghì giải thoát v.v... Song, tông có nhiều thứ, hoặc theo mục đích đối tượng để rõ tông, tức chỗ tiêu biểu của ngôn ngữ gọi là Tông. Đây chỉ lấy nghĩa nhất kỳ mà luận, như nói âm thanh là có pháp nhất định vô thường làm tông v.v... Hoặc theo người thực hành tu tập để nói tông, tức chỗ tôn sùng của tâm gọi là Tông, như mỗi việc tùy theo chỗ tu tập kinh luật luận, v.v... Nay nói chỗ tôn sùng của một bộ, là tông là chủ, nên gọi là Tông. Tông ở đây trở về với nghĩa gì? Nghĩa là giáp tin, hiểu, thực hành pháp này chắc chắn sẽ được chứng nhập, nên nói là sở quy của tông. Khai

chương như trong văn.

- Tùy tướng:

Nêu tên: Trong Chánh biện, phần đầu là theo tướng chấp pháp, tức là nêu tên. Tông đối với sự pháp nên nói theo tướng, chấp pháp nhất định có thật nên nói là chấp pháp.

Các sư Tiểu thừa; là Tông chủ. Căn bản là Thượng tọa bộ và Đại chúng bộ, lần lượt chia thành hai mươi bộ.

A hàm, là kinh y cứ, bằng với các kinh chánh pháp Niệm, Phật, Bốn Hạnh v.v...

Vì tạo v.v... trở xuống, Luận là sở tạo, tức các luận Bà-sa, Câu-xá v.v... trong các môn, ở đây nêu bốn thứ:

- Chân không vô tướng: Tức sắc tức không, bệnh không cũng không nên nói chân không, lia tất cả tướng nên nói Bát-nhã vô tướng, v.v... đối tám bộ và các kinh không như Trung Quán, v.v... đối các loại như Bách Luận, Luận Thập Nhị Môn.

- Duy Thức pháp tướng: Duy giá cảnh có thức phân biệt tâm, không có tất cả các pháp, chỉ do thức biến tông tướng pháp, nên gọi là Pháp Tướng Tông thuộc Duy Thức, v.v ... là các loại Đối pháp, Bách pháp trong Duy thức.

- Như Lai tàng duyên khởi: Tức Như Lai tàng tâm tùy theo nhiệm tịnh mà thành các pháp, như các kinh Lăng - già, Thắng man, Mật Nghiêm v.v..., các Luận Khởi Tín, Phật Tánh, Bảo Tánh, v.v...

- Viên dung cụ đức: Viên nghĩa là viên mãn tánh tướng biến khắp, dung là dung hòa lý sự vô ngại. Cụ đức là lớp lớp vô tận, một hạt bụi một mảy lông đều xứng tánh, đều bao gồm khắp, như trong Viên giáo ở trước đã nói.

- Chỉ luận này:

Nay đây v.v... trở xuống, là chỉ cho Luận này.

Thứ tư, tức Như Lai tàng duyên khởi tông, do sở thuyên của luận này nói về Như Lai tàng. Chẳng sinh chẳng diệt hòa hợp với sinh diệt, gọi là A-lại-da, vì rộng nói rõ các pháp duyên khởi nhiệm tịnh.

- Hội năm giáo:

Nhưng đây v.v... trở xuống, là hội năm giáo. Nhưng chỉ có Phật nói mới thành giáo, có người còn gọi là Tông. Tông và giáo chẳng khác, do đó bốn sở theo giáo mà biện. Vì nay đem kinh để phân biệt nên có rộng hẹp khác nhau. Một bộ kinh dung chứa nhiều giáo nghĩa, như trong kinh Hoa Nghiêm nói đầy đủ mười điều ác và mười điều thiện tức Nhân thiên giáo; nói bốn đế, mười hai nhân duyên tức Tiểu thừa giáo; nêu đủ

các địa vị tức Phần giáo. Tam Thiên Kệ nói: “Pháp tánh vốn vắng lặng, không lấy cũng không bỏ”. Tánh không tức là bất khả đắc tư lương của Phật, tức Thủ giáo. Như tâm Phật cũng giống như thế, như Phật chúng sinh cũng vậy. Tâm, Phật và chúng sinh, cả ba không khác nhau, tức là Chung giáo.

Khi mới phát tâm liền thành Chánh giác tức là Đốn giáo. Tất cả vô ngại tức Viên giáo. Ngoài ra trong các Kinh hoặc năm, bốn, ba, hai v.v... nhiều ít không nhất định.

Tông đầy đủ các kinh, như một tông luận này có hơn trăm bản kinh Đại thừa.

Theo những gì? Chỉ là các kinh liễu nghĩa đều là tông này, v.v... lại, như nghĩa không trong tất cả các kinh đều là tông Tam Luận. Ngoài ra đều mô phỏng theo đây.

Trên đây đã nói chỉ theo tông giáo cùng nói nghĩa rộng, nếu nói về nghĩa hẹp thì như năm giáo trước, mỗi vị nói một nghĩa không thông suốt nhau. Như một bộ Kinh chỉ nói một nghĩa, đây gọi là giáo hẹp. Tông theo giáo nói cũng lại như thế, đây gọi là Tông hẹp.

- Chỉ nói về luận này. Có hai:

Chung:

Nghĩa Nhất tâm pháp, do trong luận này, nghĩa lý sở thuyên tuy rộng nhiều, nhưng chỗ tốt của tông đều hiển bày một tâm pháp ba nghĩa đại, lấy làm tông kia. Pháp nghĩa của tông này ý ở chỗ nào? Vì khiến sinh tâm tin hiểu đúng không lầm, y theo chỗ hiểu tu hành, hạnh thành nhập chứng, chứng được quả tốt trở về nhất tâm này, nên nói là thú. Nhưng, nếu tin một vị lý không thì ưa chán đều dứt, nếu một bề tin pháp tướng thì thánh phàm cách xa, đây đều không thể khởi hạnh thú chứng. Nay khiến tin nhất tâm là gốc của phàm thánh, chỉ do mê ngộ mà có khác nhau, ắt có thể khởi tu thứ lớp chứng quả.

Riêng biệt: Từ riêng v.v... trở xuống. Có hai:

- *Liệt nêu giải thích:*

Nói giáo, do dùng lời để nói nghĩa, nghĩa hiển thì lời mất, như nương bè qua sông, đến bờ phải bỏ bè, như văn sau nói đủ. Nên biết Như Lai phương tiện khéo léo, giả mượn lời nói để dẫn dắt chúng sinh.

Chỉ thú kia: đều là lia niệm trở về chân như.

Lý sự, trước tông sau thú, hợp nói lý sự ở sau có phỏng theo đây.

Nêu sự..., nói rộng nhiệm tịnh sinh diệt, đều là trở về lý chân như.

Như từ..., văn nói: “Lại nữa, hiển bày từ môn Sinh diệt tức nhập

môn Chân như”. Nghĩa là suy tìm năm ấm sắc tâm, cảnh giới sáu trần... rốt ráo vô niệm. Cho đến nếu quán sát biết tâm vô niệm, thì được thuận theo nhập môn chân như.

Do chân tục v.v... hướng về chân lý nhất vị tức tâm dứt bật, quán cảnh tục muôn vạn khác nhau thì trí khởi, do đây thành hai môn Chỉ Quán. Văn sau nói: “Nói Chỉ nghĩa là dừng (chỉ) tất cả tướng cảnh giới, thuận theo nghĩa quán Xa-ma-tha. Nói Quán nghĩa là phân biệt tướng nhân duyên sinh diệt, thuận theo nghĩa quán Tỳ-bát-xá-na. Thành tín tức địa vị Thập Tín, duyên không lui sụt tức từ Tam hiền trở lên. Hàng Địa tiền tửy quán chưa tạo chân như, mục đích là đăng địa, thân chứng thánh tánh.

Bởi nhân v.v..., là chỗ tu hành mười Ba-la-mật của Địa thượng, mục đích là mong chứng quả Phật Bồ đề.

- Kết chỉ bày:

Năm thứ này v.v... trở xuống là tổng kết chỉ bày.

Lý do, là: 1- Do giáo nên được nghĩa. 2- Do sự trong nghĩa nên hiển lý. 3- Do sự lý làm cảnh để thành hạnh chỉ quán. 4- Do chỉ quán nên được địa vị chứng nhập. 5- Do chứng nhập nên được quả. Ở đây lần lượt làm nhân cho nhau, từ cạn đến sâu, để truyền bá tông thú sâu xa của luận.

Xong phần Nghĩa Môn Huyền Tự.

II. THEO VĂN CHÚ GIẢI. Trong đề luận. Có hai:

- Giải thích bốn chữ trước. Có bốn:

- Giải thích chung bốn chữ:

Nói thường thể, chẳng giống quyền giáo.

Giải thích chữ Đại, do phân biệt chữ Tiểu làm nghĩa, ngoài Đại có Tiểu để phân biệt, thì há thành tự đến chỗ tột đại ư? Nay do thể của tâm tánh không bờ mé, dứt các phân biệt so đo, chỗ tâm hành diệt, đường ngôn ngữ bật, không có tên mà gượng gọi là Đại. Nhưng, chữ Đại có hai nghĩa:

- Nghĩa thường: Nghĩa là dài suốt ba đời không trước không sau. Không có một pháp trước đó, chỉ cái này có trước các pháp nên nói là đại. Kinh Niết-bàn chép: “Cái gọi là Đại gọi là nghĩa thường”.

- Nghĩa trùm khắp: Nghĩa là rộng khắp mười phương, tột cùng mười phương không có bờ mé. Kinh Niết-bàn chép “Cái gọi là Đại tánh kia rộng khắp cũng như hư không”.

Bao gồm, Luận nói: “Tâm ấy nhiếp tất cả pháp thế gian và xuất

tế gian”. Lại, Kinh nói: “Tâm tánh tròn khắp bao gồm mười phương, v.v...”. Nếu Thể không trùm khắp thì đâu gọi là bao trùm? Nếu chẳng bao trùm thì đâu gọi là Đại? Do đó là nghĩa bao gồm, là nghĩa Đại.

Vận tải v.v..., chữ Thừa có năm thứ: Trời, người, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, do đều có công năng vận tải nên gọi chung là thừa. Lại, nghĩa có đại tiểu mà chuyên chở thì có xa gần.

- Nhân thừa: Ba quy y năm giới cấm chuyên chở chúng sinh vượt ra khỏi ba đường, sinh trong nhân gian, cũng như thuyền nhỏ vừa qua khe suối.

- Thiên thừa: Thượng phẩm mười điều lành và Bốn thiên tám định có công năng vận chuyển chúng sinh vượt khỏi bốn châu, đạt đến thượng giới, như thuyền vượt qua sông nhỏ.

- Thanh Văn thừa: Pháp môn Bốn đế.

- Duyên giác thừa: Pháp môn Mười hai nhân duyên, có khả năng chuyên chở chúng sinh vượt qua ba cõi đến Niết-bàn hữu dư, vô dư, thành A-la-hán và Bích-chi-phật, như thuyền lớn vượt qua sông lớn.

- Bồ-tát thừa: Do pháp môn bi trí sáu độ chuyên chở chúng sinh vượt khỏi ba cõi, và cảnh giới Nhị thừa, đến bờ Vô thượng bồ-đề đại bát niết-bàn bên kia, như thuyền lớn vượt qua biển lớn.

Kinh Pháp Hoa chép: “Nếu có chúng sinh từ Phật, Thế tôn nghe pháp, tin nhận siêng năng tu hành tinh tấn, cầu trí Nhất thiết, trí Phật, trí Tự nhiên, trí Vô sư, trí kiến Như Lai, Lực vô sở úy. Vì thương xót nghĩ an vui vô lượng chúng sinh, làm lợi ích trời người, độ thoát tất cả, đó gọi là Bồ-tát Đại thừa. Cầu thừa này gọi là Thừa”. Đây chính do năng thừa có lợi độ, sở thừa có hơn kém, nên khiến chỗ vượt có rộng hẹp, chỗ đến có gần xa.

Nay nói thừa, là phần thứ năm Bồ-tát thừa. Nhưng, chỗ nói ở trên là theo con đường thường, lấy sáu độ muôn hạnh làm thể sở thừa. Nay trong luận này nói về sở thừa, là thẳng theo Thể đại và Tướng đại. Văn sau nói: “Tất cả chư Phật đều do bốn thừa, tất cả Bồ-tát đều thừa pháp này đến đất Như Lai”, do đó cũng gọi là Phật thừa, Nhất thừa, Tối thượng thừa. Nay nói chung chỉ gọi là Đại, nói tuy chẳng khác mà nghĩa kia khác nhau. Do văn này hướng về chỗ khác thường mà nói con đường thường. Lại nói phải đợi năng sở kế hợp nhau mới được gọi là thừa. Nay luận nói thẳng tâm chúng sinh lấy làm pháp Đại thừa, đâu được đợi đủ năng sở ư? Kinh Niết-bàn chép: “Phật tánh gọi là Nhất thừa”.

Đại thừa trở xuống, là nêu sở tín để nói rõ năng tín. Nghĩa là do có Nhất tâm Tam đại làm cảnh cao quý, duyên cảnh cao quý này mà phát

tâm Nhẫn lạc gọi là khởi tín.

Nếu không như thế, là tin pháp nào? Tin cái gì? Tin nương vào đâu làm bằng cứ mà phát khởi ư? Vì thế nên lấy tâm cảnh hợp nhau làm mục tiêu để phát khởi lòng tin.

Đại thừa Khởi Tín, bởi Đại thừa làm cảnh sở duyên mà phát được tín tâm năng duyên, đây là duyên Đại thừa để khởi tín tâm nên chẳng khởi tâm khác. Sở duyên cao quý mà năng duyên thấp kém. Đại Thừa Khởi Tín là Y theo chủ mà được tên, ở đây theo cảnh để hiển bày tâm.

Lại cũng v.v... trở xuống, là đối với tông để biệt hành. Nghĩa là tin chung đại tiểu phân biệt lý kia. Nay khởi tin Đại thừa là chẳng phải khởi lòng tin khác, tức dùng riêng phân biệt chung, cũng là Y chủ thích.

- Giải thích riêng Đại thừa:

Lại đại v.v... trở xuống, là giải thích riêng Đại thừa.

Theo nghĩa ..., Luận nói: “Nói nghĩa đó hẳn có ba thứ, thế nào là ba?

Thể đại: Bởi tất cả pháp chân như bình đẳng không thêm bớt.

Tướng đại: Bởi Như Lai tàng đầy đủ vô lượng tánh công đức.

Dụng đại: Sinh ra tất cả nhân quả lành thế gian và xuất thế gian”.

Theo người, v.v..., Luận chép: “Tất cả chư Phật vốn có sở thừa, tất cả Bồ-tát đều thừa pháp này đến đất Như Lai”. Y theo bốn sở nói: “Đối trong ba đại, thể tướng là sở thừa, dụng đại là năng thừa. Trong ba đại, chỉ nhất tâm chuyển, nên vừa là đại vừa là thừa”, là Trì nghiệp thích.

- Giải thích riêng chữ Đại:

Lại nương v.v... trở xuống, là giải thích riêng chữ Đại.

Bảy thứ tương ưng, đây đều đứng về người mà nói cảnh.

Tánh đại, do giáo pháp mà chư Phật nói rộng lớn làm sở duyên.

Hành, là hai lợi hành: Tự lợi và lợi tha.

Trí, là hai trí vô phân biệt: Ngã không và Pháp không.

Tinh tấn, trải qua ba a-tăng-kỳ tu hành không chán nãn.

Phương tiện, không trụ Sinh tử và Niết-bàn.

Chứng đắc, công đức Phật địa đều viên mãn.

Nghiệp: ứng hiện khắp mười phương giáo hóa chúng sinh.

Sáu câu trên cũng như câu đầu đều nói về tánh đại. Nhưng trong bảy câu thì năm câu trước là nhân, hai câu sau là quả. Trong hai câu quả thì câu trước là Thể, câu sau là Dụng. Thể tức tướng trí tịnh, dụng tức tướng bất tư nghì nghiệp, cũng tức là hai cảnh sau trong bốn cảnh, các luận Trang Nghiêm, Du-già, Hiển Dương cũng đồng với thuyết này.

- Giải thích riêng Khởi tín:

Khởi nghĩa v.v... là trở xuống, là giải thích riêng Khởi Tín, có hai:

- Nói rõ:

- Giải thích chữ Khởi:

Do có bản giác là theo nhân duyên để nói về chỗ phát khởi, Pháp hữu vi khởi đều là năng lực nhân duyên. Nhân duyên thiếu sót lẫn nhau thì không thể nào thành lập. Nay tin sở khởi phải đầy đủ nhân duyên, Luận chép: “Tự có năng lực huân tập (Tự thể tướng huân), lại vì Phật, Bồ-tát từ bi nguyện hộ (dụng huân), khởi lên tâm chán khổ (tín tâm), mới tiến đến con đường Niết-bàn”.

Thắng cảnh, như ở sau nói tin chân như và Phật, Pháp, Tăng. Vì tin chân như là gốc muôn pháp, Phật là Báo thân, Pháp là sáu độ muôn hạnh, Tăng là Bồ-tát Địa thượng, cùng Tam bảo, Tứ đế rất cao quý.

Tin ít có: vì cảnh sở tín cao quý khiến tâm năng tín rất ít có. Nếu tin Đức Thích-ca, Đức Di-lặc là Phật thì là dễ có, nay tin chân như trong tâm chúng sinh là phạm thánh nương thông suốt, mê thì sáu đường không cùng tận, ngộ thì Tam bảo không dứt, đây là khó có. Như tin Hoàng Hậu thì mang thai vua, cô gái nghèo mang thai bậc thán thì khó dễ đã nói.

Năm câu trên là giải thích chữ Khởi.

- Giải thích chữ Tín:

Từ khiến cho v.v... trở xuống, là giải thích chữ Tín.

Ngọc lóng nước là nước trong xanh như hạt châu, nghĩa là tâm chúng sinh như nước, tâm nghi như nước đục còn tâm tin thì như hạt châu. Hạt ngọc bỏ vào nước đục nước sẽ lắng trong, Tâm nghi đã phát khởi lòng tin thì tâm tất thanh tịnh. Duy Thức nói: “Đối với thật đức hay nhân sâu sẽ ắt được lạc dục, muốn tâm tịnh làm tánh”. Như hạt châu trong nước trong lắng nước đục được nước trong. Kinh Kim Cương cũng nói: “Tin tâm thanh tịnh sẽ sinh thật tướng”. Tin tức là tâm thanh tịnh.

- Thông và ngại:

Vì sao v.v... trở xuống, là nói về thông và ngại. Ý hỏi rằng: Từ nhân đến quả có vô lượng hạnh môn, vì sao ở đây riêng nói về Tín? Lại Tín là pháp rất cạn, nếu hướng về giải hạnh chứng quả thì chưa đủ làm chỗ nương, tại sao trong đề chỉ nói về chỗ này?

Hạnh gốc, là đáp câu hỏi ở trước. Một pháp tin nà là lộng che dẫn vào đạo, hà sa pháp lành do đây mà khởi. Nếu không có tin thì đâu thể khởi hạnh mà đến chứng quả?

Vì người sơ cơ, là đáp câu hỏi thứ hai, Sơ cơ tức Bồ-tát Thập Tín ở địa vị ngoại phạm mà chưa vào kiếp số, nay luận chính là nói về hạng này. Văn sau nói: “Chúng sinh nương vào đây chưa nhập nhóm chánh định nên nói tu hành tín tâm”, nhưng là bậc thượng căn sơ cơ.

Căn cơ nếu kém v.v... trở xuống, là trước nhập Tiểu thừa dần dần đến Đại thừa tự tin tánh mình, đồng với văn của kinh Hoa Nghiêm, đều là nghĩa chứng hạnh gốc. Chỗ luận đã rõ, ở đây không nói thêm, ngoài ra xem văn sẽ thấy được.

- Giải thích chữ luận:

Từ chữ Luận trở xuống, là giải thích chữ Luận. Nhưng chữ Luận có hai thứ, nghĩa là: Giải thích và Tông. Giải thích luận tức là tùy theo chỗ hiểu mà giải thích theo kinh Phật, cũng như chương số là các Luận Trí Độ, Kim Cương, Pháp Hoa, v.v... đều là loại này. Tông luận tức là kiến lập tông kinh như Du-già, Duy Thức, Bà-sa, Câu-xá, v.v...

Kiến lập v.v... trở xuống, đây là theo tông kinh mà giải thích chữ Luận. Nghĩa là quyết định kiến lập hiển bày rõ ràng việc làm. Phép tắc, văn cú, ngôn từ, chia đoạn... nhằm giảng nói pháp nghĩa sâu mầu trong kinh Phật cùng hành tướng lý thú.

Nương quyết định” v.v... trở xuống, là tổng kết. Bởi Luận là nghĩa phán quyết.

Lại, luận v.v... trở xuống, là theo lý mà lập giải thích chữ Luận. Nghĩa là biên tập giáo pháp thương lượng bàn luận, tự hỏi tự đáp, gạn bày vặn hỏi qua lại, khai mở đạo lý phát huy chân thú, giúp cho chánh lý thành lập tông đẹp phá tà. Hai câu trên đây trước là giải thích, sau nói về Tông. Hoặc có thể đầy đủ về tông luận mà chẳng giải thích chữ luận. Nhưng, trong năm chữ này có pháp có dụ, theo lý theo hạnh, thể dụng, tâm cảnh, nhân quả, giáo nghĩa gom thành đề mục, như ở trước trong phần khai đề đã nói.

Lại, năm phần văn trong bộ luận này cũng không ngoài năm chữ trong đề. Nghĩa là trong phần giải thích hiển bày chánh nghĩa đối trị tà chấp là Đại, phần Phân biệt phát thú đạo tướng là Thừa, phần Tu hành tín tâm là khởi Tín. Trước sau hai phần, nghĩa ngay nơi luận, trong phần Lập nghĩa thì chung cả bốn chữ Đại thừa Khởi Tín.

